

Số: 07/2022/QĐST-VDS  
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn  
trái pháp luật và công nhận quan  
hệ hôn nhân

*Kinh Môn, ngày 10 tháng 8 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Trần Văn Khánh

*Thư ký phiên họp:* Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022, về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2022/QĐST-VDS ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn số 01/2022/QĐHPH ngày 28 tháng 7 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Anh Nguyễn Văn L - sinh ngày 01/11/1979 (*Trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi năm sinh là 1976*); địa chỉ: thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Phạm Thị L1 - sinh ngày 29/10/1978 (*Trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi năm sinh là 1978*); địa chỉ: thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt

+ Ủy ban nhân dân (*Viết tắt: UBND*) xã H, thị xã K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q – Chủ tịch UBND xã H. Vắng mặt

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

- *Trong đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, anh Nguyễn Văn L - Là người yêu cầu trình bày:*

Anh kết hôn với và chị Phạm Thị L1 - sinh ngày 29/10/1978 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H - Kinh Môn (nay là UBND xã H - thị xã K) vào ngày 04/9/1996. Tại thời điểm kết hôn anh L chưa đủ 20 tuổi (15 tuổi

10 tháng 03 ngày) chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên khi đi đăng ký kết hôn với chị L2 anh đã khai sinh năm 1976 nên cán bộ đăng ký đã ghi thông tin theo lời trình bày của anh L và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng anh L. Do đó, trên giấy đăng ký kết hôn do UBND xã H cấp thể hiện anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1976. Thực tế các giấy tờ như giấy khai sinh, chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình đều thể hiện ngày tháng năm sinh tuổi thật của anh L là ngày 01/11/1979. Do không có sự thống nhất về năm sinh giữa giấy chứng nhận kết hôn và giấy tờ tùy thân thể hiện ngày tháng năm sinh tuổi thật dẫn đến các vấn đề về thủ tục hành chính cần đứng tên hai vợ chồng nhưng không thể thực hiện được, ảnh hưởng đến cuộc sống của anh L và chị L2. Anh và chị L2 đã đến UBND xã và các cơ quan liên quan để làm thủ tục thay đổi năm sinh trong giấy đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện được. Ngoài vi phạm về độ tuổi kết hôn thì anh và chị L2 không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác. Từ sau khi kết hôn đến nay, anh và chị L2 vẫn chung sống hòa thuận và đã có con chung, tài sản chung. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1976 và chị Phạm Thị L1 - sinh năm 1978 tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 04/9/1996 và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L - sinh ngày 01/11/1979 với chị Phạm Thị L1 - sinh ngày 29/10/1978 kể từ ngày anh L đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 01/11/1999.

**Về con chung:** Vợ chồng có 3 con chung là cháu Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1997, cháu Nguyễn Thị Thu P - sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Huy H2 - sinh năm 2013. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị L1 trình bày:*

Chị Phạm Thị L1 trình bày: Chị là Phạm Thị L1 - sinh ngày 29/10/1978 kết hôn với anh Nguyễn Văn L - sinh ngày 01/11/1979 trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 04/9/1996. Khi kết hôn được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục địa phương mà chị không để ý vấn đề tuổi tác. Chỉ đến khi sử dụng các giấy tờ theo thủ tục hành chính, vay mượn... cần đứng tên hai vợ chồng thì anh chị không thể thực hiện được. Anh chị đã đến UBND xã và các cơ quan liên quan để thay đổi năm sinh trên giấy kết hôn nhưng không thực hiện được. Ngoài việc vi phạm về độ tuổi kết hôn thì chị và anh L không có vi phạm nào khác. Từ sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống hạnh phúc, không mâu thuẫn gì. Do vậy, chị đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật của chị và anh L và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị khi anh L đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh, UBND xã H có quan điểm như sau:* Anh Nguyễn Văn L có đề nghị UBND xã cải chính năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn, tuy nhiên việc này UBND xã không có thẩm quyền nên anh L đã yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật. Theo sổ đăng ký kết hôn của UBND xã H số 35 ngày 04/9/1996 anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị L1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã

H, thể hiện anh L sinh năm 1976, chị L2 sinh năm 1978. Anh L, chị L2 có 3 con chung là cháu Nguyễn Huy H2 sinh năm 2013, cháu Nguyễn Thị Thu P - sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Hằng - sinh năm 1997. Căn cứ thông tin trên, giấy tờ liên quan của anh Nguyễn Văn L xác định anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1976 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04/9/1996 chính là anh Nguyễn Văn L sinh ngày 01/11/1979 có số căn cước công dân là 030079003961 cấp ngày 02/3/2022, chị Phạm Thị L1 - sinh năm 1978 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04/9/1996 chính là chị Phạm Thị L1 sinh ngày 29/10/1978 số căn cước công dân 030178013312 cấp ngày 02/3/2022.

*Tại phiên họp:*

- Người đề nghị giữ nguyên yêu cầu nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân khi đủ điều kiện kết hôn.

- Đại diện UBND xã H, có đơn đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn L trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L. Công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L - sinh ngày 01/11/1979 và chị Phạm Thị L1 - sinh ngày 19/10/1978 kể từ ngày anh L đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (ngày 01/11/1999); về lệ phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ tiền lệ phí.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo pháp luật của UBND xã H đã được triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt, có đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Xét thấy việc vắng mặt của đại diện UBND xã H không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên họp xét đơn yêu cầu vắng mặt đại diện UBND xã H, thị xã K là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu:

- *Xác định thời điểm kết hôn:* Anh L, chị L2 đều xác định kết hôn với nhau vào ngày 04/9/1996 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Lời khai của anh L, chị L2 phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04/9/1996, do UBND xã H, thị xã K đã cấp cho anh L, chị L2 và các tài liệu, chứng cứ khác nên

Tòa án có đủ cơ sở xác định anh L, chị L2 kết hôn vào ngày 04/9/1996.

- *Xác định ngày tháng năm sinh của anh L, chị L2:* Tại lời khai anh L, chị L2 đều xác định ngày tháng năm sinh đúng của anh L là ngày 01/11/1979 và ngày tháng năm sinh đúng của chị L2 là ngày 29/10/1978. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do anh L chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi. Cụ thể: Anh L khai sinh ngày năm 1976.

Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh) của anh L, chị L2, đồng thời căn cứ Biên bản xác minh thông tin do UBND xã H cung cấp, có đủ cơ sở xác định ngày tháng năm sinh đúng của anh Nguyễn Văn L là ngày 01/11/1979; ngày tháng năm sinh đúng của chị Phạm Thị L1 là ngày 29/10/1978.

- *Xác định điều kiện kết hôn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/1979 đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị L1, sinh ngày 29/10/1978 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã K vào ngày 04/9/1996. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Phạm Thị L1 17 tuổi 10 tháng 06 ngày, còn anh Nguyễn Văn L có độ tuổi là: 15 tuổi, 10 tháng, 03 ngày. Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị L1 đã vi phạm về độ tuổi.

Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh L, chị L2 thì thấy: Anh L, chị L2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, anh L, chị L2 hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn, đã có 03 con và tài sản chung; quá trình giải quyết việc dân sự, anh L, chị L2 cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân. Căn cứ: Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và Phạm Thị L1 kể từ thời điểm anh Nguyễn Văn L đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 01/11/1999.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch

số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Nguyễn Văn L. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/1979 và chị Phạm Thị L1, sinh ngày 29/10/1978 kể từ thời điểm anh Nguyễn Văn L đủ tuổi kết hôn, kể từ ngày 01/11/1999.

2. *Lệ phí Tòa án*: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0001299 ngày 07/06/2022. Anh Nguyễn Văn L đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

*Nơi  
nhận:*

**THẨM PHÁN**

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã H, thị xã Kinh Môn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Khánh**